

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Tầng 3, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	1/1/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19,386,693,035	10,614,827,035
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		19,223,104,694	10,538,848,125
111	1. Tiền		2,139,042,135	208,446,673
112	2. Các khoản tương đương tiền		17,084,062,559	10,330,401,452
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		163,588,341	75,978,910
132	1 Trả trước cho người bán			
134	2 Phải thu hoạt động nghiệp vụ		163,588,341	67,967,485
135	3 Phải thu ngắn hạn khác			8,011,425
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7,700,000,000	16,369,949,920
220	II. Tài sản cố định		-	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	3	-	-
222	- Nguyên giá		666,141,407	666,141,407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(666,141,407)	(666,141,407)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6,750,000,000	15,369,949,920
252	1 Đầu tư dài hạn khác(công ty liên kết)		6,250,000,000	14,944,000,000
259	2 đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		500,000,000	500,000,000
	3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			(74,050,080)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		950,000,000	1,000,000,000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5	-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		950,000,000	1,000,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27,086,693,035	26,984,776,955

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Tầng 3, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	1/1/2024
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		25,140,000	4,100,000
310	I. Nợ ngắn hạn		25,140,000	4,100,000
312	2. Phải trả người bán		18,900,000	372,727
314	2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			3,727,273
315	3 Phải trả người lao động			
316	4 Chi phí phải trả	7		
319	5 Các khoản phải trả, phải nộp khác		6,240,000	
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	9	27,061,553,035	26,980,676,955
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000	45,000,000,000
420	2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17,938,446,965)	(18,019,323,045)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>27,086,693,035</u>	<u>26,984,776,955</u>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

30	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác- trong nước	3,008,502,822	123,736,563
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	11,230,750,000	2,250,000,000
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	11,230,750,000	2,250,000,000
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		
31	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác-Nước ngoài	2,175,940	
	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	97,920,000	

Lập ngày, 14 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng

Hoàng Hải Đăng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Ngân Hà

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

r.

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 4/2024	Quý 4-2023
		VND	VND
01	1. Doanh thu	204,282,168	188,861,261
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	204,282,168	188,861,261
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán		
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	204,282,168	188,861,261
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	199,192,298	17,171,280
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-331,999,411	(272,364,442)
30	9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	71,475,055	(66,331,901)
32	10. Chi phí khác	67,623	3,389,794
40	12. Lợi nhuận khác	(67,623)	(3,389,794)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71,407,432	(69,721,695)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71,407,432	(69,721,695)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Lập ngày, 14 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng



Hoàng Hải Đăng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
VIỆT TÍN

HOÀN KIẾM, TP. HÀ NỘI

Hoàng Ngân Hà

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
				VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		784,285,397	770,844,704.00
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		-944,362,305	(802,100,000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		125,381,432,522	137,833,064,118
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-116,924,124,252	(132,227,145,304)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8,297,231,362	5,574,663,518
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		0	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		387,025,207	155,546,790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		387,025,207	155,546,790
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		0	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8,684,256,569	5,730,210,308
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10,538,848,125	4,808,637,817
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		19,223,104,694	10,538,848,125
			0	-

Kế toán trưởng



Hoàng Hải Đăng

Lập ngày, 14 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Ngân Hà

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
31 tháng 12 Năm 2024

Năm 2024	Thuyết minh	1/1/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000	-	-	45,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18,019,323,045)	80,876,080	-	(17,938,446,965)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9	26,980,676,955	80,876,080	-	27,061,553,035
					-
Năm 2023	Thuyết minh	1/1/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45,000,000,000		-	45,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17,912,201,516)	(107,121,529)	-	(18,019,323,045)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9	27,087,798,484	(107,121,529)	-	26,980,676,955

Người lập

Hoàng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Hoàng Hải Đăng

Lập ngày, 14 tháng 01 năm 2025
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Ngân Hà

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý IV/2024

I Đặc điểm hoạt động của Công ty Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Quỹ

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3 số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 45.000.000.000 VND (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn và đầu tư chứng khoán

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Các quy định của Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư 125/2011/TT-BTC. Do vậy Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV Chính sách kế toán áp dụng

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

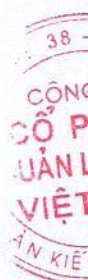
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	19,223,104,694	10,538,848,125
	19,223,104,694	10,538,848,125

2 . PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
phải thu ngắn hạn khác	163,588,341	67,967,485
Cộng giá gốc hàng tồn kho	163,588,341	67,967,485

TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tạm ứng đặt trước tiền mua trụ sở Công ty		
Tạm ứng mua cổ phiếu	-	-
Tạm ứng khác		-
	-	-

3 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	399,684,844	266,456,563	666,141,407
Số tăng trong năm		-	
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	399,684,844	266,456,563	666,141,407
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	-	-	-
- Trích khấu hao	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	-	
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty cp Đầu tư tài chính Sông Hồng		14,944,000,000
- Đầu tư cổ phiếu(Cty CP Maimoney)	6,250,000,000	
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác(Quỹ Đầu tư phát triển Việt Tín)	500,000,000	-
		-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	
(Công ty Cp Đầu tư Tài chính Sông Hồng)		(74,050,080)
	6,750,000,000	14,869,949,920

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	-	-
Chi phí bảo hiểm xe	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	950,000,000	1,000,000,000
	950,000,000	1,000,000,000

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3,727,273
	-	3,727,273

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	18,900,000	372,727
	18,900,000	372,727

8 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn		
Bảo hiểm xã hội	6,240,000	
Bảo hiểm y tế		
Phải trả phải nộp khác		
Phải trả người lao động	-	
Phải trả khách hàng ủy thác cá nhân ⁽¹⁾		
	6,240,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45,000,000,000	45,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	45,000,000,000	45,000,000,000
- Vốn góp cuối năm	45,000,000,000	45,000,000,000

b) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,500,000	4,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,500,000	4,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	4,500,000	4,500,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,500,000	4,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	4,500,000	4,500,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

10 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4/2024	Quý 4 /2023
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý	204,282,168	188,861,261
Doanh thu khác	-	-
	204,282,168	188,861,261

11 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4/2024	Quý 4-2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên		
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác bằng tiền		
	(331,999,411)	(272,364,442)

CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 4/2024	Quý 4-2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	-	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác bằng tiền		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

12 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2024	Quý 4-2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71,407,432	(69,721,695)
Tổng lợi nhuận tính thuế	71,407,432	(69,721,695)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	-	-
--	---	---

13 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 4/2024	Quý 4-2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	71,407,432	(69,721,695)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71,407,432	(69,721,695)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4,500,000	4,500,000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

16

(15)

Kế toán trưởng



Hoàng Hải Đăng

Lập ngày, 14 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Ngân Hà